

VỀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN KHÔI*

1. Vài nét về thị trường khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay.

Thị trường khoa học và công nghệ (KH&CN) là một yếu tố, một công đoạn rất quan trọng trong quá trình phát triển KH&CN của mỗi quốc gia, bởi nó thực sự giúp đáp ứng nhu cầu của các nhà sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội khác nhau.

Theo số liệu thống kê, cả nước hiện có khoảng 1.200 tổ chức nghiên cứu KH&CN, so với năm 1995 đã tăng gấp 2,5 lần, đây là nguồn sản xuất (cung) công nghệ rất to lớn. Bên cạnh đó, chúng ta có trên 30 vạn doanh nghiệp đang hoạt động theo *Luật Doanh nghiệp* - đây là nguồn cầu không nhỏ cho thị trường KH&CN. Ngoài ra, do chính sách phát triển kinh tế với đa sở hữu, đa thành phần, trong quá trình đổi mới, mở cửa, khu vực kinh tế tư nhân phát triển khá mạnh, đóng góp không nhỏ vào quá trình tăng trưởng kinh tế của nước ta, đây cũng là động lực, nguồn cảm hứng sáng tạo thúc đẩy thị trường KH&CN phát triển.

Với chủ trương phát triển thị trường KH&CN trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để các sản phẩm KH&CN trở thành hàng hoá, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, tạo nền tảng pháp lý cho việc phát triển thị trường KH&CN, phù hợp với các cam kết quốc tế khi Việt Nam tham gia hội nhập. Đó là *Luật KH&CN*, *Luật Chuyển giao công nghệ*, *Luật Sở hữu trí tuệ*, *Luật Công nghệ cao*... Điểm quan trọng trong các Luật này là công nhận những kết quả sáng tạo của cộng đồng

các nhà khoa học trong các viện, các trường, các doanh nghiệp và cả trong khu vực tư nhân là hàng hoá; thừa nhận những kết quả nghiên cứu là có giá trị. Và khi đã có giá trị, nó phải được định giá và đưa ra trao đổi, mua bán. Có thể nói, các văn bản luật ra đời đã hỗ trợ rất lớn cho các hoạt động KH&CN theo cơ chế thị trường, thông tin rộng rãi và tạo môi trường cạnh tranh để các sản phẩm KH&CN được mua - bán thuận lợi; khuyến khích gắn kết hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, phát triển quan hệ hợp đồng giữa doanh nghiệp với các cơ sở nghiên cứu; khuyến khích các hoạt động tư vấn, ứng dụng, chuyển giao công nghệ...

Thời gian qua, việc kết nối cung - cầu công nghệ, cung cấp thông tin về thị trường công nghệ thông qua các mô hình hội chợ triển lãm truyền thống, techmart (thường xuyên, không thường xuyên; đa ngành, chuyên ngành ở các quy mô khác nhau), techmart ảo và các hình thức khác đã được các cơ quan chức năng quan tâm đúng mức. Bộ KH&CN chỉ đạo tổ chức thường xuyên các kì techmart quốc gia tại nhiều địa phương trên cả nước, như TP. Hồ Chí Minh (năm 2005), Đà Nẵng (năm 2007); đặc biệt là Techmart Vietnam ASEAN+3 được tổ chức tại Hà Nội trong tháng 9-2009 đã đạt tổng giá trị giao dịch gần 2.000 tỉ đồng. Giao dịch mua - bán công nghệ, năm sau luôn cao hơn năm trước. Bên cạnh đó, techmart ảo quốc gia và các sàn giao dịch điện tử tại TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai,

* Bộ Khoa học và Công nghệ.

Hải Phòng... cũng được đưa vào hoạt động, thu hút sự tham gia của đông đảo các nhà đầu tư công nghệ trong và ngoài nước như Hàn Quốc, Trung Quốc, Mỹ, Nga, Israel...

Như vậy, thị trường KH&CN ở nước ta đang trên đà khởi sắc, với tốc độ, số lượng và giá trị các giao dịch công nghệ, hợp đồng chuyển giao công nghệ ngày càng gia tăng. Chỉ tính riêng từ năm 2003 đến nay, thông qua các chợ công nghệ và thiết bị, đã có 17 nghìn sản phẩm công nghệ và thiết bị được chào bán, hơn 4.600 bản ghi nhớ và hợp đồng mua bán công nghệ được kí kết với tổng giá trị hơn 5.250 tỉ đồng. Hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN đã góp phần quan trọng nâng cao trình độ nghiên cứu trong nước. Mạng lưới đại diện KH&CN ở nước ngoài cũng không ngừng được mở rộng, trở thành một hướng quan trọng giúp tìm kiếm, khai thác, thu thập thông tin, bí quyết công nghệ của các nước trên thế giới, phục vụ cho nhu cầu phát triển KH&CN của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình phát triển, thị trường KH&CN Việt Nam đã bộc lộ nhiều hạn chế:

Thứ nhất, về các cơ chế, chính sách của Nhà nước: cơ chế quản lý kinh tế hiện nay chưa thực sự tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động KH&CN nói chung và chuyển giao công nghệ nói riêng. Hiện tại, chúng ta vẫn còn duy trì sự bao cấp gián tiếp của Nhà nước, sự độc quyền của doanh nghiệp trong một số lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, làm cho nhiều doanh nghiệp có tư tưởng ỷ lại, chưa quan tâm đến ứng dụng các kết quả nghiên cứu và đổi mới công nghệ. Thiếu cơ chế, chính sách hữu hiệu để thúc đẩy hoạt động chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất - kinh doanh.

Hệ thống chính sách, pháp luật còn chồng chéo, chưa đồng bộ; các chính sách về kinh tế, ưu đãi... thường xuyên thay đổi, khó tiếp cận. Điều này làm giảm hiệu quả thực thi các chính sách và chưa tạo ra động

lực để thúc đẩy các hoạt động kinh tế nói chung và KH&CN nói riêng. Hệ thống tài chính, tiền tệ còn manh mún, chưa có những kênh tài chính hữu hiệu tạo điều kiện cho doanh nghiệp tự huy động được nguồn vốn để đầu tư cho KH&CN. Một số quỹ được hình thành nhằm hỗ trợ các tổ chức KH&CN thực hiện nghiên cứu - triển khai hoặc hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ song trên thực tế vẫn chưa thực sự đi vào cuộc sống. Các tổ chức KH&CN cũng như doanh nghiệp đều rất khó tiếp cận những nguồn vốn này.

Vai trò của Nhà nước đối với việc đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp vẫn chưa phù hợp với cơ chế thị trường hiện nay. Chưa có sự tách bạch giữa cơ quan quản lý nhà nước ban hành chính sách và cơ quan thực hiện chính sách. Đồng thời, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc phối hợp thực hiện các chính sách về huy động vốn cho đầu tư đổi mới công nghệ. Công tác thanh tra, kiểm tra, thẩm định dự án còn yếu kém; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu. Cách thức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho đổi mới công nghệ của doanh nghiệp còn nhiều điểm chưa hợp lý, chưa đảm bảo được tính hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn hỗ trợ. Hiện nay, các chính sách huy động vốn đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp vẫn dựa nhiều vào các biện pháp hỗ trợ từ ngân sách và các công cụ khuyến khích gián tiếp.

Thứ hai, về phía các tổ chức KH&CN: trước bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động KH&CN nước ta còn có khoảng cách khá xa so với các nước phát triển. Năng lực sáng tạo, phát triển công nghệ còn hạn chế, chưa có khả năng tạo ra được những công nghệ cần thiết để thực sự trở thành nền tảng và động lực cho tiến trình CNH, HĐH đất nước. Một trong những giải pháp đổi mới mạnh dạn và mang tính đột phá trong những năm gần đây trong việc cải tổ hệ thống các tổ chức KH&CN

Việt Nam là việc triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và hình thành doanh nghiệp KH&CN, thúc đẩy các tổ chức KH&CN công lập chuyển sang hoạt động theo cơ chế mới, đánh dấu bằng sự ra đời hai văn bản quan trọng của Chính phủ: Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05-9-2005 và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19-5-2007, nhưng tính đến tháng 5-2009, mới có gần 70% số tổ chức KH&CN công lập của cả nước có Đề án chuyển đổi được phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhìn chung, số tổ chức KH&CN chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp còn rất khiêm tốn, cho thấy một thực tế là các tổ chức KH&CN công lập vẫn còn tư tưởng ỷ lại vào nguồn trợ cấp từ ngân sách.

Bên cạnh đó, các hoạt động nghiên cứu - triển khai tuy đã đạt được bước tiến đáng kể trong thời gian gần đây nhưng nhìn chung chất lượng vẫn còn ở mức khiêm tốn, khả năng ứng dụng vào thực tế chưa cao. Còn tồn tại khoảng cách đáng kể giữa kết quả nghiên cứu - triển khai với nhu cầu thực tế, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ ba, về phía doanh nghiệp: hoạt động đổi mới công nghệ còn lẻ tẻ, thiếu quy hoạch và chiến lược, thiếu sự gắn bó và phối hợp giữa phương hướng đổi mới, chuyển giao, đầu tư đổi mới công nghệ với chiến lược phát triển và kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, chưa thực sự có nhu cầu tự thân đối với đổi mới công nghệ do năng lực quản lý yếu kém của người lãnh đạo hoặc do thiếu động lực để phát triển doanh nghiệp dài hạn.

Năng lực tiếp nhận công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu, thể hiện ở chỗ thiếu những chuyên gia kinh tế, kỹ thuật và đội ngũ cán bộ, công nhân có trình độ tay nghề vững vàng nên bị các nhà đầu tư nước ngoài “qua mặt”.

Tình trạng vi phạm quyền sở hữu công nghiệp còn rất lớn. Trong nền kinh tế thị trường, khi vấn đề này tồn tại sẽ dẫn đến sự

cạnh tranh không lành mạnh, rất khó kiểm soát. Chính vì vậy, thời gian qua, Việt Nam đã xảy ra nhiều tranh chấp kinh tế, xung đột giữa các nhà sản xuất, gây thiệt hại không nhỏ cho các bên liên quan và ảnh hưởng đến vị thế của quốc gia trên trường quốc tế. Đây cũng chính là nguyên nhân cản trở các hoạt động chuyển giao công nghệ.

Trình độ thẩm định công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam còn nhiều bất cập, dẫn đến tình trạng nâng giá công nghệ quá mức, gây thiệt hại trước mắt và lâu dài cho họ. Thậm chí, phẩm chất của nhiều cán bộ, chuyên gia bị tha hóa, không quan tâm đến lợi ích chung.

2. Một số giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong thời gian tới.

Một là, tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý cho phát triển thị trường công nghệ. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ nhằm thúc đẩy hoạt động sáng tạo và chuyển giao công nghệ, đảm bảo lợi ích quốc gia, đáp ứng yêu cầu của những cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia. Đồng thời, xúc tiến hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, tài chính, KH&CN cũng như các chế định trong các lĩnh vực liên quan khác, hỗ trợ cho hoạt động mua - bán công nghệ.

Hoàn thiện các quy định về thực thi trong hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Tăng cường năng lực của các cơ quan thực thi pháp luật; nâng cao hiểu biết và năng lực của cán bộ trong việc phát hiện vi phạm và giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ, thực hiện bảo vệ có hiệu quả quyền lợi thực tế của các cá nhân, tổ chức đối với tài sản trí tuệ được pháp luật công nhận. Bổ sung chức năng quản lý phát triển thị trường KH&CN cho các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN ở cấp bộ, ngành và địa phương.

Hai là, xây dựng các giải pháp kích cầu công nghệ. Xây dựng môi trường kinh doanh mang tính cạnh tranh, thúc đẩy đổi mới công nghệ. Hoàn thiện môi trường kinh tế vĩ mô, tạo thuận lợi và động lực cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư đổi mới công nghệ. Đặc biệt, khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ. Xây dựng cơ chế phối hợp, đối thoại giữa các cơ quan nhà nước các cấp với tổ chức KH&CN và doanh nghiệp nhằm kịp thời phát hiện, giải quyết các vướng mắc trong thực thi chính sách ưu đãi, khuyến khích hoạt động đổi mới công nghệ.

Khuyến khích doanh nghiệp thành lập các quỹ phát triển KH&CN để chủ động thực hiện nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ. Doanh nghiệp được hạch toán khoản đầu tư cho hoạt động KH&CN vào chi phí sản xuất hợp lý và được áp dụng mức hạch toán cao hơn đối với lĩnh vực công nghệ cao.

Phát triển nhu cầu công nghệ trong nông nghiệp và nông thôn. Nhà nước hỗ trợ các hoạt động xúc tiến và phát triển thị trường nông sản trong nước và ở nước ngoài, khuyến khích sản xuất nông nghiệp hàng hoá dựa trên công nghệ với quy mô đủ lớn tại những địa bàn có điều kiện phù hợp. Có chính sách hỗ trợ nông dân về thông tin, đào tạo và kinh phí cho ứng dụng công nghệ, đặc biệt đối với những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống khuyến nông trong công tác hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho nông nghiệp và nông thôn. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp và nông dân để phát triển, ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật tiến bộ phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ba là, xây dựng giải pháp thúc đẩy cung công nghệ. Phát triển nguồn cung công nghệ trong nước. Tạo động lực mạnh mẽ cho các tổ chức, cá nhân tạo ra và thương

mại hóa công nghệ có giá trị thực tiễn. Quy định rõ trách nhiệm đối với các cơ quan chuyển giao và nhận chuyển giao đối với kết quả nghiên cứu phục vụ công ích; có chế độ khen thưởng thỏa đáng đối với tổ chức, cá nhân có kết quả nghiên cứu được ứng dụng rộng rãi và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Chuyển mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ gắn với thị trường. Đổi mới phương thức xác định nhiệm vụ KH&CN của Nhà nước theo hướng gắn việc hình thành nhiệm vụ KH&CN với nhu cầu thực tiễn, với thị trường. Có cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đặt hàng với các tổ chức KH&CN trong nước và nước ngoài và tham gia đề xuất, tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN của Nhà nước. Đẩy nhanh việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập để phát huy tính năng động của các tổ chức này trong nền kinh tế thị trường. Khuyến khích các viện nghiên cứu, trường đại học thành lập hoặc liên doanh, liên kết với các tổ chức trong nước, nước ngoài để thành lập các doanh nghiệp KH&CN; có chính sách khuyến khích đầu tư đặc biệt về cơ sở hạ tầng, thuế, sử dụng đất đai đối với các doanh nghiệp KH&CN hoạt động trong các lĩnh vực công nghệ cao.

Đổi mới chính sách đầu tư cho KH&CN. Tập trung đầu tư có chọn lọc để xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực cho một số hướng công nghệ trọng điểm, có tác dụng lớn đối với việc hiện đại hoá các ngành kinh tế - kỹ thuật, bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo điều kiện phát triển các ngành nghề mới, tạo công ăn việc làm, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu đầu tư của Nhà nước cho hoạt động KH&CN theo hướng tăng tỉ lệ đầu tư cho các hoạt động phát triển và hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN.

nghiên cứu nhu cầu công nghệ và tiếp thị công nghệ. Hỗ trợ kinh phí cho các dự án chuyển giao công nghệ quốc phòng cho mục đích dân sự theo nhu cầu của thị trường. Hình thành và đưa vào hoạt động các quỹ phát triển KH&CN của bộ, ngành, tỉnh, thành phố, tổ chức, cá nhân, đồng thời, vận hành có hiệu quả Quỹ phát triển KH&CN quốc gia. Tăng cường hợp tác công nghệ với nước ngoài. Xây dựng chính sách nhập khẩu công nghệ theo hướng nhập khẩu máy móc, thiết bị, dịch vụ kỹ thuật, đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn lao động và bảo vệ môi trường; khuyến khích nhập công nghệ gắn với làm chủ và nội địa hoá công nghệ trong một số lĩnh vực mà Việt Nam có thế mạnh, trên cơ sở liên kết giữa các tổ chức KH&CN với các doanh nghiệp trong nước thông qua việc hỗ trợ các khoản chi phí liên quan tới quyền khai thác các đối tượng sở hữu công nghiệp, phí chuyển giao công nghệ, chi phí đào tạo cán bộ, chi phí thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài. Khuyến khích thành lập các tổ chức KH&CN liên kết giữa các công ty nước ngoài với công ty và các tổ chức nghiên cứu - đào tạo của Việt Nam. Xây dựng các chính sách khuyến khích đầu tư đặc biệt để thu hút các công ty đa quốc gia có công nghệ nguồn, công nghệ cao đầu tư và chuyển giao công nghệ tại Việt Nam; khuyến khích công ty nước ngoài chuyển giao công nghệ cho phía Việt Nam trong các hợp đồng liên doanh và hợp tác kinh doanh; có cơ chế thu hút chuyên gia giỏi trong nước và nước ngoài làm việc chuyên môn, quản lý trong các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp tại Việt Nam.

Bốn là, phát triển các loại hình dịch vụ, xúc tiến mua bán công nghệ. Hình thành và phát triển các tổ chức xúc tiến mua bán công nghệ. Trong giai đoạn trước mắt, Nhà nước hỗ trợ việc tổ chức chợ công nghệ - thiết bị định kỳ ở quy mô cả nước; khuyến khích tổ chức các hoạt động này ở quy mô địa phương. Tăng cường sự hỗ trợ của các

cơ quan chuyên môn, các Sở KH&CN trong việc triển khai thực hiện các hợp đồng mua bán công nghệ sau kí kết. Bộ KH&CN ban hành Quy chế về chợ công nghệ - thiết bị. Thành lập và đưa vào hoạt động hai trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Tổ chức lại hoạt động của các trung tâm thông tin KH&CN thuộc các cơ quan nhà nước theo hướng cân đối giữa các chức năng đảm bảo thông tin phục vụ cơ quan quản lý nhà nước, phục vụ cộng đồng và hoạt động kinh doanh thông tin thương mại về công nghệ; nâng cao tính chuyên nghiệp và hữu dụng của dịch vụ thông tin; chú trọng công tác xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu công nghệ phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, phát triển mạng lưới cung cấp thông tin điện tử về thị trường công nghệ xuống cấp huyện, xã. Đẩy mạnh xã hội hoá dịch vụ tổ chức chợ công nghệ - thiết bị, trung tâm giao dịch công nghệ và dịch vụ thông tin công nghệ.

Phát triển các dịch vụ tư vấn, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ. Nâng cao năng lực hoạt động, chất lượng dịch vụ của các tổ chức tư vấn, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ của Nhà nước. Thành lập hai trung tâm đánh giá, thẩm định, định giá công nghệ tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Thu hút các tổ chức KH&CN, các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các nhà cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, các tổ chức và cá nhân khác trong nước và nước ngoài tham gia cung cấp các loại dịch vụ trên. Đồng thời, nâng cao nhận thức và thúc đẩy việc sử dụng các dịch vụ tư vấn, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ trong hoạt động kinh tế - xã hội.

Phát triển dịch vụ pháp lý về sở hữu trí tuệ và các dịch vụ pháp lý khác liên quan tới mua bán công nghệ. Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp hoạt động cung ứng dịch vụ pháp lý về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ □